

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NINH HÒA
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 07/5/2018
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thùy My**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Chung**
Bà **Lê Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đoàn Vũ Kim Kúc** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Mỹ Ngân** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 747/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đặng Thị V**, sinh năm: 1983

Địa chỉ: thôn G, xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông **Phạm Văn D**, sinh năm: 1980

Địa chỉ: thôn G, xã A, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 06/12/2017, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đặng Thị V trình bày:* Bà và ông **Phạm Văn D** tự nguyện kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do ông **D** không chăm lo làm ăn, bỏ bê gia đình, không phụ giúp kinh tế với bà để nuôi dạy các con. Bà **V** đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng ông **D** không thay đổi từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần nên bà **V** yêu cầu được ly hôn với ông **D**.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả 02 người con chung là **Phạm Văn C**, sinh ngày 17/9/2005 và **Phạm Thị Thùy D1**, sinh ngày 16/7/2007. Sau khi ly

hôn bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn* - ông Phạm Văn D đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng ông D không đến tham gia.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa trình bày quan điểm:* Về chấp hành pháp luật, Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình tại phiên tòa và đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy: cuộc hôn nhân giữa bà V và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn ông Phạm Văn D đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông D vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông Phạm Văn D.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Bà Đặng Thị V yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Văn D và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp quan hệ hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con chung thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án:*

3.1 Về hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy bà Đặng Thị V và ông Phạm Văn D tự nguyện kết hôn vào năm 2005, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, thị xã N, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 113 quyển số: 1/2004, cấp ngày 27 tháng 4 năm 2005. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đặng Thị V và ông Phạm Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu nhưng đến năm 2009 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra kinh cãi kéo dài do ông D không chăm lo làm ăn, bỏ bê gia đình, không phụ giúp kinh tế với bà V để nuôi dạy các con. Bà V đã nhiều lần khuyên can, nhắc nhở nhưng ông D không chịu thay đổi từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt và làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần. Tại phiên tòa, ông D vẫn cố tình vắng mặt nên coi như tự tước bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, qua đó cho thấy ông D không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của bà V là có căn cứ. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã N, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V, là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.2 Về con chung: Vợ chồng có tất cả 02 người con chung là Phạm Văn C, sinh ngày 17/9/2005 và Phạm Thị Thùy D1, sinh ngày 16/7/2007. Sau khi ly hôn bà V có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong vụ án này, xét thấy từ khi bà V và ông D không còn chung sống với nhau; việc nuôi dưỡng 02 con chung là do bà V đang trực tiếp. Đồng thời, căn cứ theo bản tự khai có trong hồ sơ, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Trên cơ sở xem xét quan điểm trình bày của vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Phạm Văn C và Phạm Thị Thùy D1 đến trưởng thành; bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con chung; Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3.3 Về tài sản chung: Bà Đặng Thị V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, ông Phạm Văn D vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[4] *Về án phí*: Bà Đặng Thị V phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 4 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị V.

1. Về hôn nhân: Bà Đặng Thị V được ly hôn với ông Phạm Văn D.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu: Phạm Văn C, sinh ngày 17/9/2005 và Phạm Thị Thùy D1, sinh ngày 16/7/2007 cho bà V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), bà V không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con; Ông Phạm Văn D có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích của các con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng và người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi ông Phạm Văn D có đơn yêu cầu.

4. Về án phí: Bà Đặng Thị V phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0003492 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Ninh Hòa. Bà Đặng Thị V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã A, khi án có hiệu lực;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Phạm Thùy My